

ÔN TẬP HỌC KÌ II – MÔN: LỊCH SỬ 12

NĂM HỌC: 2022 - 2023

CHỦ ĐỀ 10: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

NHẬN BIẾT THÔNG HIỂU

Câu 1. Ngày 16-5-1955, gắn với sự kiện nào của miền Bắc Việt Nam?

- A. Quân Pháp rút khỏi Hải Phòng.
- B. Quân Pháp rút khỏi Hà Nội.
- C. Quân ta tiếp quản Thủ đô.
- D. Giải phóng thủ đô Hà Nội.

Câu 2. Sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là

- A. tiến hành hoàn thành cải cách ruộng đất.
- B. tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- C. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- D. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Câu 3. Mỹ tiến hành “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) nhằm thực hiện âm mưu

- A. lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.
- B. dùng người Việt đánh người Việt.
- C. bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.
- D. dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.

Câu 4. Ngày 10-10-1954 đi vào lịch sử Việt Nam với ý nghĩa là

- A. ngày giải phóng Thủ đô.
- B. ngày ký hiệp định Giơnevơ.
- C. Pháp rút khỏi Hải Phòng.
- D. Pháp rút khỏi miền Bắc.

Câu 5. Vai trò của cách mạng miền Bắc trong giai đoạn 1954 - 1975 là

- A. quyết định trực tiếp.
- B. quyết định nhất.
- C. quan trọng nhất.
- D. cơ bản nhất.

Câu 6. Vai trò của cách mạng miền Nam trong giai đoạn 1954 - 1975 là

- A. quan trọng nhất.
- B. cơ bản nhất.
- C. quyết định trực tiếp.
- D. quyết định nhất.

Câu 7. Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954), miền Bắc đã cơ bản hoàn thành cuộc cách mạng nào?

- A. Cách mạng ruộng đất.
- B. Cách mạng văn hóa.
- C. Cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- D. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

- Câu 8. Hình thức đấu tranh chủ yếu của nhân dân miền Nam những ngày đầu sau hiệp định Giơnevơ (1954) về Đông Dương là
- A. đấu tranh vũ trang.
 - B. đấu tranh chính trị.
 - C. bạo lực cách mạng.
 - D. khởi nghĩa giành chính quyền.
- Câu 9. Qua đợt cải cách ruộng đất 1954-1956, miền Bắc đã thực hiện khẩu hiệu
- A. Người cày có ruộng.
 - B. Tắc đất tắc vàng.
 - C. Tăng gia sản xuất.
 - D. Không bỏ ruộng đất hoang.
- Câu 10. Ngày 2-1-1963 gắn với sự kiện nào của miền Nam?
- A. Chiến thắng Ấp Bắc.
 - B. Chiến thắng Bình Giã.
 - C. Chiến thắng Vạn Tường.
 - D. Chiến thắng Đồng Xoài.
- Câu 11. Chỗ dựa trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam là gì?
- A. Quân đội Sài Gòn.
 - B. Ấp chiến lược và cố vấn Mỹ.
 - C. Cố vấn Mỹ và quân đội Sài Gòn.
 - D. Ấp chiến lược và quân đội tay sai.
- Câu 12. Chiến thắng mở đầu của quân và dân ta chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mỹ là
- A. Chiến thắng Bình Giã.
 - B. Chiến thắng Ấp Bắc.
 - C. Chiến thắng Ba Gia.
 - D. Chiến thắng Đồng Xoài.
- Câu 13. Chiến thắng quân sự nào của ta làm phá sản cơ bản “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ?
- A. Chiến thắng Ấp Bắc.
 - B. Chiến thắng Bình Giã.
 - C. Chiến thắng An Lão.
 - D. Chiến thắng Đồng Xoài.
- Câu 14. Thực hiện khẩu hiệu “Người cày có ruộng”, Đảng ta có chủ trương
- A. giải phóng giai cấp nông dân.
 - B. khôi phục kinh tế, chia ruộng đất.
 - C. tiến hành cải cách ruộng đất.
 - D. cải tạo xã hội chủ nghĩa.
- Câu 15. Từ năm 1961-1965 Mỹ thực hiện chiến lược Chiến tranh nào?
- A. Chiến tranh cục bộ.
 - B. Chiến tranh đặc biệt.
 - C. Chiến tranh đơn phương.
 - D. Việt Nam hóa chiến tranh.
- Câu 16. Đặc điểm nổi bật của tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là
- A. miền Nam trở thành thuộc địa của Mỹ.

- B. miền Bắc tiến hành khôi phục kinh tế.
- C. đất nước tạm thời bị chia cắt thành 2 miền.
- D. Mỹ thiết lập chính quyền tay sai ở miền Nam.

Câu 17. Mục đích của Đảng khi thực hiện cải cách ruộng đất (1954-1956) là

- A. củng cố khối liên minh công-nông.
- B. thực hiện khẩu hiệu “ tấc đất tấc vàng”.
- C. khôi phục kinh tế và phát triển văn hóa.
- D. xây dựng đời sống mới cho nhân dân.

Câu 18. Những thắng lợi quân sự nào dưới đây làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mỹ?

- A. Ấp Bắc, Đồng Xoài, An Lão.
- B. An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.
- C. Bình Giã, An Lão, Đồng Xoài.
- D. Vạn Tường, Núi Thành, An Lão.

Câu 19. Nhiệm vụ của cách mạng nước ta sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

- A. xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.
- B. xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Bắc.
- C. tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước.
- D. cả nước tập trung kháng chiến chống Mỹ-Ngụy ở miền Nam.

Câu 20. Bình định miền Nam trong vòng 18 tháng là nội dung của kế hoạch quân sự nào của Mỹ?

- A. Kế hoạch Na va.
- B. Kế hoạch Xtalây-Taylo.
- C. Kế hoạch Giôn xon- MácNamara
- D. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.

Câu 21. Bình định miền Nam trong 2 năm là nội dung của kế hoạch quân sự nào của Mỹ?

- A. Kế hoạch Na va.
- B. Kế hoạch Xtalây-Taylo.
- C. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.
- D. Kế hoạch Giôn xon-MácNamara.

Câu 22. Tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đã xác định vai trò của cách mạng miền Bắc là

- A. quyết định nhất.
- B. quyết định cơ bản.
- C. quyết định trực tiếp.
- D. đặc biệt quan trọng.

Câu 23. Lực lượng chủ yếu thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) ở miền Nam của Mỹ là

- A. quân Mỹ.
- B. quân đồng minh.
- C. quân đội Sài Gòn.
- D. quân đội Sài Gòn và quân Đồng minh của Mỹ.

Câu 24. Kết quả lớn nhất của phong trào Đồng Khởi (1959-1960) là

- A. nông thôn miền Nam được giải phóng.
 - B. lực lượng vũ trang hình thành và phát triển.
 - C. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
 - D. phá vỡ từng mảng lớn bộ máy chính quyền của địch ở nông thôn.
- Câu 25. Ngày 17-1-1960 tại Bến Tre nổ ra phong trào đấu tranh nào ?
- A. Đồng khởi.
 - B. Chống bình định.
 - C. Phá ấp chiến lược.
 - D. Trừ gian diệt ác.
- Câu 26. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 15 (1-1959) đã thông qua quyết định nào?
- A. Đấu tranh ngoại giao để đánh đổ ách thống trị Mĩ - Diệm.
 - B. Nhờ sự giúp đỡ của các nước ngoài để đánh Mĩ - Diệm.
 - C. Giành chính quyền bằng con đường đấu tranh hòa bình.
 - D. Sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm.
- Câu 27. Chiến thắng Bình Giã (2-12-1964) là thắng lợi của quân dân miền Nam chống chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?
- A. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.
 - B. Chiến lược “chiến tranh cục bộ”.
 - C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
 - D. Chiến lược “chiến tranh đơn phương”.
- Câu 28. Nội dung nào dưới đây **không** phải ý nghĩa của phong trào “Đồng Khởi” (1959-1960)?
- A. Buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh.
 - B. Làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.
 - C. Chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
 - D. Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.
- Câu 29. Ngày 16-5-1955 lực lượng nào rút khỏi miền Bắc nước ta?
- A. Quân Anh.
 - B. Quân Pháp.
 - C. Quân Nhật.
 - D. Quân Mĩ.
- Câu 30. Hình thức đấu tranh chống "Chiến tranh đặc biệt" được đề ra là
- A. đấu tranh vũ trang.
 - B. đấu tranh chính trị.
 - C. kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang.
 - D. phá ấp chiến lược và đấu tranh chính trị.
- Câu 31. Tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đã xác định cách mạng miền Nam có vai trò
- A. quyết định nhất.
 - B. quyết định cơ bản.
 - C. quyết định trực tiếp.
 - D. đặc biệt quan trọng.
- Câu 32. Từ năm 1965-1968 Mĩ thực hiện chiến lược Chiến tranh nào?
- A. Chiến tranh đơn phương.
 - B. Chiến tranh cục bộ.

C. Chiến tranh đặc biệt.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 33. Sau thất bại trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) Mỹ tiếp tục thực hiện chiến lược nào?

A. Chiến tranh đơn phương.

B. Chiến tranh cục bộ.

C. Chiến tranh tổng lực.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 34. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) được tiến hành bằng lực lượng

A. quân đội Sài Gòn, quân đồng minh do cố vấn Mỹ chỉ huy.

B. quân Mỹ, quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.

C. quân một số nước đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.

D. quân viễn chinh, quân một số nước đồng minh của Mỹ.

Câu 35. Thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965- 1968), Mỹ đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở Miền Nam và

A. mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc.

B. mở rộng chiến tranh xâm lược Lào và Campuchia.

C. đưa quân các nước đồng minh vào miền Nam.

D. đưa vũ khí và phương tiện chiến tranh vào Miền Nam.

Câu 36. Mỹ buộc phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược Việt Nam sau thất bại của

A. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

B. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.

C. Trận "Điện Biên Phủ trên không " năm 1972.

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 37. Sắp xếp các sự kiện sau theo trình tự thời gian

1. Chiến thắng Vạn Tường.

2. Chiến thắng Ba Gia.

3. Chiến thắng hai mùa khô.

4. Chiến thắng Điện Biên Phủ trên không.

A. 1-2-3-4

B. 1-3-2-4

C. 2-4-3-1

D. 2-1-3-4.

Câu 38. Sắp xếp các sự kiện sau theo trình tự thời gian

1. Việt Nam hóa chiến tranh.

2. Chiến tranh đơn phương.

3. Chiến tranh cục bộ.

4. Chiến tranh đặc biệt.

A. 1-2-3-4

B. 1-3-2-4

C. 2-4-3-1

D. 2-1-3-4

Câu 39. Thắng lợi quân sự nào của quân dân Việt Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược ?

A. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

B. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.

C. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 40. Ý nào sau đây không phải là ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968?

A. Mỹ tuyên bố “Mĩ hóa” chiến tranh.

B. Mỹ tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh.

C. Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc.

D. Mỹ đến bàn Hội nghị Pari để đàm phán với ta.

Câu 41. Cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965- 1966) của Mĩ ở miền Nam nhằm vào hướng chiến lược chính là.

A. Đông Nam Bộ

B. Liên khu V.

C. Đông Nam Bộ và Liên khu V.

D. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 42. Cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai (1966 -1967) của Mĩ ở miền Nam Việt Nam nhằm

A. tiêu diệt quân chủ lực của ta.

B. bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

C. tiêu diệt cơ quan đầu não kết thúc chiến tranh.

D. tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

Câu 43. Chiến thắng nào của ta mở ra khả năng đánh thắng quân Mĩ trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965- 1968)?

A. Mùa khô 1965-1966.

B. Mùa khô 1966-1967.

C. Vạn Tường (1965).

D. Mậu Thân (1968).

Câu 44. Trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, quân ta đã chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là

A. Huế, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

B. Huế, Đà Nẵng, Quảng Trị.

C. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

D. Quảng Trị, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

Câu 45. Lực lượng chủ yếu tham gia chiến đấu trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969- 1973) của Mĩ là

A. quân Mĩ.

B. quân đội Sài Gòn.

C. quân Mĩ, quân đội Sài Gòn.

D. quân Mĩ và quân đồng minh Mĩ.

Câu 46. Chiến lược chiến tranh nào được Mĩ tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần Mĩ ?

A. Chiến tranh một phía.

B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 47. Ý nghĩa lớn nhất trong cuộc tổng tiến công công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là

A. buộc Mỹ phải ký hiệp định Pa ri.

B. Mỹ phải đến hội nghị Pari để đàm phán với ta

C. Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược.

D. buộc Mỹ phải ngừng ném bom chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Câu 48. Sau thất bại trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) Mỹ tiếp tục thực hiện chiến lược?

A. Chiến tranh đơn phương.

B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh tổng lực.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 49. Thất bại trong chiến lược chiến tranh nào, buộc Mỹ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở hội nghị Pa ri?

A. Chiến tranh đơn phương.

B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 50. Sau hiệp định Pa ri (1973) ký kết tình hình ở miền Nam như thế nào?

A. Mỹ đã rút nhưng ngụy chưa nhào.

B. Ta đã giành thắng lợi ở Phước Long.

C. Ta đã giành thắng lợi ở Tây Nguyên.

D. Cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi.

Câu 51. Cao trào “Tìm Mỹ mà đánh, lòng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam được nhân dân ta thực hiện trong chiến lược chiến tranh nào của Mỹ?

A. Chiến tranh đơn phương.

B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 52. Chiến thắng Vạn Tường (1965) là sự kiện mở đầu cao trào

A. “Tìm Mỹ mà đánh, lòng ngụy mà diệt”.

B. “Tìm ngụy mà đánh, lòng Mỹ mà diệt”.

C. “Lòng Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt” .

D. “Thì đua Vạn Tường, giết giặc lập công”.

Câu 53. Thắng lợi nào của quân và dân miền Nam buộc Mỹ phải thừa nhận thất bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1973)?

A. Xuân Mậu Thân 1968.

B. Mùa khô 1966-1967.

C. Cuộc tiến công chiến lược 1972.

D. Trận Điện Biên Phủ trên không.

Câu 54. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là

A. chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam.

B. chính phủ bí mật của nhân dân miền Nam.

C. chính phủ đặc biệt của nhân dân miền Nam.

D. chính phủ bất hợp pháp của nhân dân miền Nam.

Câu 55. Chiến thắng nào của quân dân miền Nam đã mở ra cao trào “tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam?

A. Phong trào Đồng khởi.

B. Chiến thắng Ấp Bắc.

C. Chiến thắng Vạn Tường.

D. Chiến thắng hai mùa khô.

Câu 56. Trong chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” (1969-1973), lực lượng quân đội Mĩ có vai trò là

A. trực tiếp chiến đấu.

B. trực tiếp tham chiến.

C. phối hợp hoà lực..

D. cố vấn và chỉ huy.

Câu 57. Chiến thắng nào của quân và dân ta đã trực tiếp buộc Mĩ phải kí hiệp định Pari (27-1-1973)?

A. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

B. Trận “Điện Biên Phủ trên không”.

C. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 58. Ngày 6/6/1969 diễn ra sự kiện lịch sử nào?

A. Thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.

B. Thành lập Ủy ban giải phóng miền Nam Việt Nam.

C. Thành lập mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

D. Thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Câu 59. Để đập tan cuộc hành quân mang tên “Lam Sơn- 719” của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, quân đội Việt Nam đã phối hợp chiến đấu với quân dân

A. Cam pu chia.

B. Lào.

C. Miến Điện.

D. Thái Lan.

Câu 60. Cuộc tiến công chiến lược 1972 hướng tiến công chủ yếu là

A. Quảng Trị.

D. Quảng Bình.

B. Đà Nẵng.

D. Liên khu V.

Câu 61. Âm mưu cơ bản của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” và “Đông Dương hoá chiến tranh” là

A. dùng người Đông Dương đánh người Việt, giảm xương máu của người Mĩ trên chiến trường.

B. rút dần quân Mĩ, tận dụng người Đông Dương vì mục đích thực dân mới của Mĩ.

C. dùng người Việt đánh người Việt, dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.

D. dùng người Việt đánh người Việt, tận dụng xương máu của người Việt trên chiến trường.

Câu 62. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 có ý nghĩa

A. đánh dấu kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

B. đánh dấu sự sụp đổ của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.

C. đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến tranh thực dân mới của Mĩ.

D. làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ rút quân về nước

Câu 63. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975, lần lượt trải qua các chiến dịch

A. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

B. Tây Nguyên, Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng.

C. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Phước Long.

D. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

Câu 64. Chiến dịch nào đã mở đầu cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

A. Chiến dịch Phước Long.

B. Chiến dịch Tây Nguyên.

C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 65. Bộ chính trị Trung ương Đảng chọn hướng tiến công chủ yếu của ta trong năm 1975 là

A. Tây Nguyên.

B. Đà Nẵng.

C. Huế - Đà Nẵng.

D. Hồ Chí Minh.

Câu 66. Toán lính Mĩ cuối cùng rút khỏi nước ta ngày 29-3-1973 đã

A. hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mĩ cút”.

B. làm cho chính quyền Sài Gòn suy yếu.

C. hoàn thành cuộc kháng chiến chống Mĩ.

D. hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho ngụy nhào”.

Câu 67. Sau khi quân Mĩ rút khỏi miền Nam Việt Nam, chính quyền Sài Gòn đã có hành động như thế nào?

A. Không còn thực hiện kế hoạch “Việt Nam hóa chiến tranh”.

B. Chấp nhận đầu hàng lực lượng cách mạng miền Nam Việt Nam.

C. Tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”.

D. Không nhận viện trợ từ Mĩ.

Câu 68. Từ cuối năm 1974 đầu năm 1975, Bộ chính trị đề ra chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam trong khoảng thời gian nào?

A. Mùa mưa năm 1974 và 1975.

B. Cuối năm 1976 đầu năm 1977.

C. Đầu năm 1976 cuối năm 1977.

D. Trong hai năm 1975 và 1976.

Câu 69. Trận đánh then chốt mở màn của chiến dịch Tây Nguyên (3/1975) là

A. Kom Tum.

B. Gia Lai.

C. Buôn Ma Thuột.

D. Plâyku.

Câu 70. Sau chiến dịch Tây Nguyên đã đưa cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước chuyển sang giai đoạn

A. tiến công chiến lược trên khắp cả nước.

B. tiến công chiến lược trên khắp miền Nam.

C. tổng tiến công chiến lược toàn miền Nam.

D. mở chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

Câu 71. Sau thắng lợi chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng Bộ chính trị Trung ương Đảng quyết định giải phóng

A. Sài Gòn trước mùa mưa năm 1975.

B. miền Nam trước mùa mưa năm 1975.

C. Sài Gòn trong hai năm 1975-1976.

D. miền Nam ngay trong năm 1975.

Câu 72. Tỉnh cuối cùng của miền Nam được giải phóng năm (2-5-1975) là

A. Hà Tiên.

B. Châu Đốc.

C. Vĩnh Long.

D. Cà Mau.

Câu 73. Sự kiện lịch sử nào diễn ra vào thời điểm 10h45 phút ngày 30-4- 1975?

A. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

B. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

C. Đánh dấu chiến dịch Hồ Chí Minh hoàn toàn thắng lợi.

D. Ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt toàn bộ Nội các Sài Gòn.

Câu 74. Sự kiện lịch sử nào diễn ra vào thời điểm 11h30 phút ngày 30-4- 1975?

A. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

B. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

C. Đánh dấu chiến dịch Hồ Chí Minh hoàn toàn thắng lợi.

D. Ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt toàn bộ Nội các Sài Gòn.

Câu 75. Bộ chính trị Trung ương Đảng đã dựa trên cơ sở nào để đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976?

A. Mỹ không viện trợ cho quân nguy.

B. Hậu phương miền Bắc ngày càng lớn.

C. Mỹ viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

D. So sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng.

Câu 76. Ngày 26 tháng 4 năm 1975 gắn liền với sự kiện nào?

A. Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu.

B. Quần đảo Trường Sa được giải phóng.

C. Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

D. Miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Câu 77. Ngày 29-3-1973 diễn ra sự kiện lịch sử nào?

A. Giải phóng tỉnh Phước Long.

B. Toán lính cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà.

C. Toán lính Mỹ cuối cùng rút khỏi miền Nam.

D. Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi miền Nam.

Câu 78. Lý do nào dưới đây để Đảng ta đề ra chủ trương kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.

A. Mỹ không viện trợ cho quân nguy.

B. Hậu phương miền Bắc ngày càng lớn.

C. Mỹ viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

D. So sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng.

Câu 79. Hội nghị lần thứ 21(7-1973) của Ban chấp hành Trung ương Đảng họp đã nêu rõ nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là

A. xây dựng và củng cố vùng giải phóng.

B. thực hiện triệt để người cày có ruộng.

C. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. đòi Mỹ và chính quyền Sài Gòn thi hành hiệp định Pari.

Câu 80. Thắng lợi quân sự có ý nghĩa chiến lược trong hoạt động quân sự ở Nam Bộ cuối năm 1974 đầu năm 1975 của ta là giải phóng

A. Bến Tre.

B. Xuân Lộc.

C. Phước Long.

D. Phan Rang.

Câu 80. Chiến thắng nào của ta đã tạo thế và lực để ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

A. Chiến dịch Đường 14- Phước Long.

B. Chiến dịch Tây Nguyên.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

Câu 81. Cuối năm 1974 đầu năm 1975 Bộ chính trị Trung ương Đảng mở hoạt động quân sự ở

A. Xuân Lộc, Phan Rang, Đông Nam Bộ.

B. Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Xuân Lộc.

C. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.

Câu 83. Sự kiện lịch sử nào có ý nghĩa “chuyển từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam”?

A. Giải phóng Tây Nguyên.

B. Giải phóng Đà Nẵng.

C. Giải phóng Sài Gòn.

D. Giải phóng Huế.

Câu 84. Cuối năm 1974 đầu năm 1975 Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam như thế nào?

A. Giải phóng miền Nam trong năm 1975.

B. Giải phóng Sài Gòn trong hai năm 1975-1976.

C. Giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976.

D. Lập tức giải phóng Sài Gòn trong hai năm 1975-1976.

Câu 85. Chiến dịch Hồ Chí Minh (30-4-1975) giành thắng lợi có ý nghĩa

A. đẩy quân đội Sài Gòn vào thế tuyệt vọng, chống cự yếu ớt.

B. chuyển từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công.

C. giải phóng Tây Nguyên, phát triển tổng tiến công chiến lược.

D. tạo điều kiện thuận lợi cho ta giải phóng các tỉnh còn lại ở Nam Bộ.

Câu 86. Ngày 24-3-1975 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Giải phóng Phước Long.

B. Giải phóng Tây Nguyên.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng thắng lợi.

Câu 87. Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo đúng trình tự thời gian.

1. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

2. Chiến dịch Đường 14- Phước Long.

3. Chiến dịch Tây Nguyên.

4. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21.

A 3-1-2-4.

B. 4-2-3-1.

C. 1-2-3-4.

D. 4-3-1-2.

Câu 88. Chiến dịch Tây Nguyên (3-1975) thắng lợi có ý nghĩa chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sang giai đoạn mới

A. đẩy quân đội Sài Gòn vào thế tuyệt vọng, chống cự yếu ớt.

B. tạo điều kiện thuận lợi ta mở chiến dịch Hồ Chí Minh.

C. chuyển từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công.

D. giải phóng Tây Nguyên, phát triển tổng tiến công chiến lược.

Câu 89. Sự kiện lịch sử nào diễn ra ngày ngày 30-4-1975?

A. Giải phóng Phước Long.

B. Giải phóng Tây Nguyên.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng thắng lợi.

Câu 90. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (3-1975) thắng lợi có ý nghĩa

A. tạo điều kiện thuận lợi cho ta giải phóng miền Nam.

B. giải phóng Huế- Đà Nẵng, phát triển tổng tiến công.

C. đưa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân dân ta tiến lên một bước mới.

D. chuyển từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược

Câu 91. Ngày 26-3-1975 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Giải phóng thành phố Huế.

B. Giải phóng Đà Nẵng.

C. Giải phóng Tây Nguyên.

D. Giải phóng Phước Long..

Câu 92. Ngày 29-3-1975 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Giải phóng thành phố Huế.

B. Giải phóng Đà Nẵng.

C. Giải phóng Tây Nguyên.

D. Giải phóng Phước Long..

Câu 93. Ngày 6-1-1975 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Giải phóng thành phố Huế.

B. Giải phóng Đà Nẵng.

C. Giải phóng Tây Nguyên.

D. Giải phóng Phước Long.

VẬN DỤNG THẤP

- Câu 94. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang tiến công?
- A. Chiến thắng Ấp Bắc.
 - B. Chiến thắng Vạn Tường.
 - C. Phong trào nổi dậy ở Bắc Ái.
 - D. Phong trào Đồng khởi.
- Câu 95. Với thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1959-1960) quân và dân miền Nam đã làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mỹ?
- A. Chiến tranh cục bộ.
 - B. Chiến tranh đặc biệt.
 - C. Chiến tranh đơn phương.
 - D. Việt Nam hóa chiến tranh.
- Câu 96. Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào “Đồng khởi” (1959- 1960) là
- A. đưa nhân dân lên làm chủ ở nhiều thôn, xã miền Nam.
 - B. làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.
 - C. giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ.
 - D. đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng miền Nam.
- Câu 97. Đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau là đặc điểm nổi bật của tình hình nước ta sau khi kí hiệp định nào?
- A. Hiệp định Pa ri.
 - B. Hiệp định Sơ bộ.
 - C. Hiệp định Giơnevơ.
 - D. Hiệp định Viêng Chăn.
- Câu 98. Chiến thắng nào chứng tỏ quân và dân miền Nam có khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mỹ là chiến thắng
- A. Ấp Bắc.
 - B. Vạn Tường.
 - C. Đồng Xoài.
 - D. Bình Giả.
- Câu 99. Trong những năm 1957-1959, cách mạng miền Nam gặp nhiều khó khăn vì
- A. lực lượng cách mạng miền Nam lớn mạnh.
 - B. miền Bắc chưa kịp chi viện cho miền Nam.
 - C. Mỹ tăng cường đưa quân Mỹ và quân đồng minh vào miền Nam.
 - D. Mỹ-Diệm ban hành đạo luật đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật.
- Câu 100. Biện pháp được coi như “xương sống” của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là
- A. tăng cường viện trợ quân sự.
 - B. tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.
 - C. tiến hành dồn dân, lập “Ấp chiến lược”.
 - D. sử dụng chiến thuật “trục thẳng vận”.
- Câu 101. Hội nghị 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1-1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng là do
- A. không thể tiếp tục dùng biện pháp hoà bình được nữa.
 - B. Mỹ thiết lập chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
 - C. các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã phát triển.

D. đã có lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang lớn mạnh.

Câu 102. Những chiến thắng làm phá sản “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mĩ là

A. Ấp Bắc, Bình Giả, Núi Thành, Ba Gia, Đồng Xoài.

B. Ấp Bắc, Bình Giả, An Lão, Ba Gia, Vạn Tường.

C. Ấp Bắc, Bình Giả, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

D. Ấp Bắc, Bình Giả, Mĩ Tho, Ba Gia, Đồng Xoài.

Câu 103. Sự kiện Pháp rút khỏi đảo Cát Bà (16-5-1955) đánh dấu

A. miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

B. miền Nam hoàn toàn giải phóng.

C. Việt Nam tiến hành tổng tuyển cử.

D. thống nhất đất nước về Nhà nước.

Câu 104. Mối quan hệ của cách mạng 2 miền Nam Bắc (1954-1975) là

A. gắn bó hợp tác với nhau.

B. mật thiết hỗ trợ lẫn nhau.

C. hợp tác và tác động lẫn nhau.

D. mật thiết gắn bó và tác động lẫn nhau.

Câu 105. Thắng lợi nào của ta chứng tỏ sự đúng đắn của Đảng đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ-Diệm?

A. Phong trào Đồng khởi.

B. Chiến thắng Ấp Bắc.

C. Chiến thắng Bình Giả.

D. Chiến thắng Vạn Tường.

Câu 106. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1960) giữ vai trò gì trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước?

A. Xây dựng lực lượng cách mạng miền Nam.

B. Giữ gìn lực lượng cách mạng chuẩn bị tiến công.

C. Lãnh đạo nhân dân miền Nam xây dựng căn cứ.

D. Đoàn kết toàn dân chống Mĩ và chính quyền tay sai.

Câu 107. Nội dung nào dưới đây **không** phải là ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” (1959-1960) là

A. làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

B. buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược.

C. giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

D. đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng miền Nam.

Câu 108. Hướng tiến công chủ yếu của quân ta trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972 là

A. Đông Nam Bộ.

B. Tây Nguyên.

C. Quảng Trị.

D. Liên khu V.

Câu 109. Lực lượng giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng nhanh về số lượng trong “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968)?

A. Quân đội Sài Gòn.

B. Quân đồng minh.

C. Quân Mĩ.

D. Cố vấn Mĩ.

- Câu 110. Chiến thắng được coi là “Áp Bắc” đối với quân Mỹ, mở đầu cao trào “Tìm Mỹ mà đánh, lùng nguy mà diệt” trên khắp miền Nam là
- A. Phong trào Đồng khởi.
 - B. Chiến thắng Ấp Bắc.
 - C. Chiến thắng Vạn Tường.
 - D. Chiến thắng hai mùa khô.
- Câu 111. So với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, chiến lược “Chiến tranh cục bộ” có điểm mới là mở rộng chiến tranh
- A. xâm lược Lào.
 - B. phá hoại miền Bắc.
 - C. xâm lược Campuchia.
 - D. xâm lược Đông Dương.
- Câu 112. So với chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh ” có điểm mới là mở rộng chiến tranh
- A. xâm lược Lào.
 - B. phá hoại miền Bắc .
 - C. xâm lược Campuchia.
 - D. ra toàn Đông Dương.
- Câu 113. Từ năm 1965- 1968 nhân dân miền Bắc thực hiện nhiệm vụ gì?
- A. Vừa sản xuất, vừa chiến đấu và làm nghĩa vụ hậu phương.
 - B. Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ.
 - C. Chi viện cho miền Nam và Lào, Campuchia.
 - D. Vừa sản xuất, vừa chi viện cho miền Nam.
- Câu 114. Điểm khác nhau giữa “Chiến tranh đặc biệt” và “Việt Nam hóa chiến tranh” là gì?
- A. Hình thức chiến tranh thực dân mới của Mỹ.
 - B. Sử dụng lực lượng chủ yếu là quân nguy.
 - C. Có sự phối hợp đáng kể của lực lượng chiến đấu Mỹ.
 - D. Dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn quân sự Mỹ.
- Câu 115. Điểm giống nhau cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là
- A. được tiến hành bằng quân đội Mỹ là chủ yếu.
 - B. mở rộng chiến tranh sang Lào, Campuchia.
 - C. loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ.
 - D. tiến hành các cuộc hành quân xâm lược Lào.
- Câu 116. Ý nghĩa nào dưới đây không phản ánh đúng thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược năm 1972?
- A. Mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ.
 - B. Giáng một đòn nặng nề vào “Việt Nam hoá chiến tranh”
 - C. Buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hoá” trở lại chiến tranh Việt Nam.
 - D. Buộc Mỹ ngừng ném bom bắn phá miền Bắc 12 ngày đêm.
- Câu 117. Ý nào dưới đây thể hiện điểm tương đồng về nội dung của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Pari năm 1973.
- A. Các bên thừa nhận thực tế miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát.
 - B. Hiệp định có sự tham gia của năm cường quốc trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

C. Thỏa thuận các bên ngừng bắn để thực hiện chuyển quân, tập kết, chuyển giao khu vực.

D. Các nước đều cam kết tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.

Câu 118. Hiệp định Pa ri năm 1973 bàn về vấn đề độc lập chủ quyền của

A. Đông Dương.

B. Campuchia.

C. Việt Nam.

D. Lào, Campuchia.

Câu 119. Quyền dân tộc cơ bản được khẳng định trong Hiệp định Pa-ri năm 1973 là

A. độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

B. độc lập, tự chủ, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

C. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

D. độc lập, tự do, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Câu 120. Trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” Mỹ đã sử dụng thủ đoạn ngoại giao

A. liên minh với các nước đồng minh trong khối NATO.

B. thỏa hiệp với Trung Quốc và hòa hoãn với Liên Xô.

C. hòa hoãn với Trung Quốc và thỏa hiệp với Liên Xô.

D. nhân nhượng Trung Quốc để chống cách mạng Đông Dương.

Câu 122. Ý nghĩa lớn nhất của chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” là

A. buộc Mỹ ngừng ném bom ở miền Bắc.

B. buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pa ri.

C. Mỹ phải rút quân khỏi miền Bắc.

D. buộc Mỹ chấp nhận đàm phán ở Pa ri.

Câu 123. Điểm khác biệt lớn nhất về âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược chiến tranh cục bộ so với chiến lược chiến tranh đặc biệt là

A. mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

B. sử dụng vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.

C. huy động quân đồng minh của Mỹ tham gia.

D. quân đội Mỹ, quân đồng minh và đánh phá miền Bắc.

Câu 124. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) có tác dụng như thế nào đối với phong trào cách mạng thế giới?

A. Là biểu tượng của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

B. Là thời cơ cho các nước thuộc địa đứng lên giành độc lập dân tộc.

C. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

D. Ảnh hưởng đến cách mạng Lào và Campuchia.

Câu 125. Vì sao Bộ chính trị Trung ương Đảng quyết định chọn Tây Nguyên là chiến dịch mở màn cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

A. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, địch bố trí với lực lượng mạnh.

B. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, địch bố trí với lực lượng mỏng.

C. Tây Nguyên rất gần với quân đoàn 1 của chính quyền Sài Gòn.

D. Tân công Tây nguyên làm bàn đạp tấn công Huế - Đà Nẵng.

Câu 125. “Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam” là nhận định của Đảng ta sau thắng lợi của chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Đà Nẵng.

B. Chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

C. Chiến dịch Đường 14- Phước Long và Chiến dịch Huế.

D. Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Đường 14- Phước Long.

Câu 126. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) là

A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân.

B. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.

D. tinh thần chiến đấu dũng cảm của nhân dân hai miền Nam- Bắc.

C. Có hậu phương vững chắc ở miền Bắc không ngừng lớn mạnh.

Câu 127. Đối với nhân dân ta thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có ý nghĩa quan trọng nhất là

A. chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc .

B. cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

C. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

D. mở ra kỷ nguyên đất nước độc lập thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 128. Phương châm tác chiến của quân dân ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh (4-1975) là

A. “đánh ăn chắc, tiến ăn chắc”. B. “đánh nhanh thắng nhanh”.

C. “cơ động, linh hoạt, chắc thắng”. D. “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

Câu 129. Chiến dịch nào có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

A. Chiến dịch Đường 14- Phước Long.

B. Chiến dịch Tây Nguyên.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

VẬN DỤNG CAO

Câu 130. Thắng lợi của quân và dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”(1961-1965) chứng tỏ

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.

B. sự lớn mạnh của cách mạng miền Nam.

C. vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc.

D. sự phát triển của cách mạng miền Nam.

Câu 131. Từ thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” để lại cho Đảng ta bài học kinh nghiệm gì?

A. Đảng phải kịp thời đề ra chủ trương cách mạng phù hợp.

B. Phải kết hợp giữa đấu tranh chính trị với ngoại giao.

C. Kết hợp giữa đấu tranh binh vận và đấu tranh chính trị.

D. Sử dụng bạo lực cách mạng với đấu tranh ngoại giao.

Câu 132. Đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961- 1965) của Mỹ là thắng lợi có ý nghĩa

A. mở đầu của quân dân miền Nam.

B. lần thứ hai của nhân dân miền Nam.

C. trên mặt trận ngoại giao của nhân dân miền Nam.

D. trên mặt trận chính trị của nhân dân miền Nam.

Câu 133. Thất bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) được coi là là thất bại có tính chất chiến lược .

A. mở đầu của quân Mỹ.

- B. lần thứ hai của quân Mỹ.
- C. trên mặt trận ngoại giao.
- D. trên mặt trận chính trị.

Câu 134. Điểm khác nhau cơ bản giữa Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) với đại hội lần thứ II (2-1951) là gì?

- A. Thông qua các báo cáo chính trị.
- B. Bầu Ban chấp hành Trung ương Đảng.
- C. Xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.
- D. Thông qua nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Câu 135. Âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt” trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam thể hiện thủ đoạn nào của Mỹ?

- A. Tận dụng xương máu của người Việt.
- B. Tăng sức chiến đấu của quân đội Sài Gòn.
- C. Quân Mỹ rút quân về nước kết thúc chiến tranh.
- D. Quân Mỹ và quân đồng minh rút dần khỏi chiến tranh.

Câu 136. Điểm khác trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” so với chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là

- A. sử dụng quân đội Sài Gòn.
- B. hình thức chiến tranh thực dân mới.
- C. mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương.
- D. sử dụng vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.

Câu 137. Điểm khác nhau cơ bản giữa chiến lược “chiến tranh cục bộ” so với chiến lược “chiến tranh đặc biệt” là

- A. sử dụng quân đội Sài Gòn.
- B. hình thức chiến tranh thực dân mới.
- C. sử dụng vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.
- D. lực lượng quân Mỹ giữ vai trò quan trọng.

Câu 138. Sự khác nhau trong âm mưu của Mỹ giữa cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất và lần thứ hai là

- A. Uy hiếp tinh thần của nhân dân ta.
- B. phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng.
- C. buộc ta phải ký hiệp định có lợi cho Mỹ.
- D. ngăn chặn sự chi viện từ ngoài vào miền Bắc.

Câu 139. Các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hóa chiến tranh” đều có điểm giống nhau

- A. quân đội Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- B. mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc và Đông Dương.
- C. loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ.
- D. có cố vấn Mỹ chỉ huy, với sự viện trợ cho quân đội Sài Gòn.

Câu 140. Tác động của hiệp định Pa ri đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là

- A. làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Việt nam hóa chiến tranh” của Mỹ
- B. làm sụp đổ chính quyền Sài Gòn.
- C. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến đánh cho “ngụy nhào”
- D. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “Mỹ cút”.

Câu 141. “Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “nguy nhào”, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước” là ý nghĩa của hiệp định nào?

- A. Hiệp định Pari 1973.
- B. Hiệp định Giơnevơ 1954.
- C. Hiệp định sơ bộ 1946.
- D. Tạm ước 1946.

Câu 142. Hiệp định Pari là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh

- A. chính trị và ngoại giao.
- B. ngoại giao và quân sự.
- C. quân sự, chính trị, binh vận
- D. quân sự, chính trị và ngoại giao.

Câu 143. Ngày 24 và 25/4/1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương họp nhằm

- A. xây dựng căn cứ địa kháng chiến của ba nước Đông Dương.
- B. vạch trần âm mưu “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mĩ.
- C. biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Pháp.
- D. biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

Câu 144. “Cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về phòng ngự, buộc ta phải phân tán đánh nhỏ hoặc rút về biên giới” đây là âm mưu của Mĩ trong chiến lược

- A. chiến tranh đơn phương.
- B. chiến tranh đặc biệt.
- C. chiến tranh cục bộ.
- D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 145. Nét độc đáo của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn (1954-1975)

- A. đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.
- B. đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao.
- C. đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và ngoại giao.
- D. tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ cách mạng ở hai miền.

Câu 146. Một trong những bài học xuyên suốt, trở thành nhân tố cơ bản nhất quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay là

- A. kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- B. sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- D. không ngừng củng cố và tăng cường khối đoàn kết dân tộc.

Câu 145. “Thắng lợi đó mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trang sử chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng...và có tính thời đại sâu sắc” nói về sự kiện nào?

- A. Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930.
- B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- C. Cách mạng tháng Tám năm 1945 khai sinh ra nước Việt Nam.
- D. Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi năm 1975.

Câu 146. Đường lối xuyên suốt của Đảng ta từ năm 1930 đến nay là gì?

- A. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- B. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- C. Cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng.
- D. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và thổ địa cách mạng.

Câu 147. Ý nào không phải là nguyên nhân thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954) và kháng chiến chống Mĩ (1954-1975)?

- A. Sự đoàn kết của ba nước Đông Dương.
- B. Truyền thống yêu nước đoàn kết dân tộc.
- C. Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.
- D. Sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 148. Điểm giống nhau giữa chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

- A. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang.
- B. buộc kẻ thù phải ký hiệp định kết thúc chiến tranh.
- C. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang và đấu tranh ngoại giao.
- D. những thắng lợi có ý nghĩa quyết định kết thúc cuộc kháng chiến.

CHỦ ĐỀ 11: VIỆT NAM SAU NĂM 1975

NHẬN BIẾT THÔNG HIỂU

Câu 1. Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, nhiệm vụ cấp thiết của cách mạng Việt Nam là

- A. ổn định phát triển kinh tế, xã hội.
- B. khắc phục hậu quả chiến tranh.
- C. thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
- D. mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước.

Câu 2. Sau năm 1975 miền Bắc tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với

- A. Liên Xô, Trung Quốc.
- B. Các nước Châu Á.
- C. các nước Đông Nam Á.
- D. đối với Lào, Campuchia.

Câu 3. Ngày 25-4-1976 diễn ra sự kiện chính trị nào dưới đây?

- A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI.
- B. Hội nghị hiệp thương thống nhất đất nước.
- C. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất.
- D. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.

Câu 4. Tại Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng (9/1975) đã đề ra nhiệm vụ gì?

- A. Cả nước tiến hành công cuộc đổi mới đất nước.
- B. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
- C. Hoàn thành khôi phục, phát triển kinh tế sau chiến tranh.
- D. Nhanh chóng khắc phục hậu quả của chiến tranh để lại.

Câu 5. Việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa

- A. để miền Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. để thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- C. xây dựng đất nước, phát triển kinh tế.
- D. phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

Câu 6. Ngày 20-9-1977 Việt Nam gia nhập tổ chức nào?

- A. Tổ chức Liên hợp quốc.
- B. Tổ chức thương mại quốc tế.

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

D. Diễn đàn kinh tế châu Á-Thái Bình Dương.

Câu 7. Ngày 2-7-1976 gắn với sự kiện nào của nước ta?

A. Ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất.

B. Sài Gòn-Gia Định đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh.

C. Tổ chức Hội nghị hiệp thương chính trị.

D. Chính quyền cách mạng tuyên bố thành lập .

Câu 8. Thuận lợi cơ bản nhất của Việt Nam sau 1975 là

A. đất nước đã được hoàn toàn độc lập thống nhất.

B. có miền Bắc hoàn toàn giải phóng, phát triển kinh tế.

C. nhân dân phấn khởi với chiến thắng mới giành được.

D. các nước trên thế giới tiếp tục ủng hộ cách mạng Việt Nam.

Câu 9. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tại Sài Gòn (11-1975) đã nhất trí

A. Quốc kỳ là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài hát Tiến quân ca.

B. lấy tên nước là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

C. chủ trương biện pháp, thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. đổi tên thành phố Sài Gòn- Gia Định là thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 10. Nội dung nào sau đây **không** phải là quyết định của quốc hội khóa VI (1976)

A. Thông qua chính sách đối nội, đối ngoại của nước Việt Nam.

B. Quyết định lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

C. Quyết định Thủ đô là Hà Nội, quyết định quốc kì, quốc ca.

D. chủ trương biện pháp, thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Câu 11. Sự kiện lịch sử nào của nước ta diễn ra ngày 20-9-1977?

A. Gia nhập tổ chức Liên hợp quốc.

B. Bình thường hóa quan hệ với Mỹ.

C. Gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

D. được 94 nước công nhận, đặt quan hệ ngoại giao.

Câu 12. Tên nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại sự kiện chính trị nào?

A. Đại hội lần thứ VI của Đảng (12-1986).

B. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (7-1976).

C. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11-1975)

D. Hội nghị lần thứ 24 của Ban chấp hành trung ương Đảng (9-1975)

Câu 13. Thành phố Sài Gòn- Gia Định đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh được thông qua tại sự kiện chính trị nào?

A. Đại hội lần thứ VI của Đảng (12-1986).

B. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (7-1976).

C. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11-1975).

D. Hội nghị lần thứ 24 của Ban chấp hành trung ương Đảng (9-1975).

Câu 14. Nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng miền Nam sau năm 1975

A. quốc hữu hóa hệ thống tài chính ngân hàng.

B. thành lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng .

C. tịch thu ruộng đất của bọn phản động xóa bỏ bóc lột phong kiến.

D. khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế-văn hóa.

Câu 15. Kết quả lớn nhất của kỳ họp Quốc hội khóa VI (1976) là

- A. thống nhất về mặt lãnh thổ.
- B. bầu ban dự thảo hiến pháp.
- C. bầu các cơ quan của Quốc hội.
- D. hoàn thành việc thống nhất về Nhà nước.

Câu 16. Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, kinh tế miền Nam trong chừng mực nhất định phát triển theo hướng

- A. tư bản chủ nghĩa.
- B. xã hội chủ nghĩa.
- C. công nghiệp hóa.
- D. cộng sản chủ nghĩa.

Câu 17. Hãy sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian

1. Đại hội lần thứ VI của Đảng .
2. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI .
3. Hội nghị lần thứ 24 của Ban chấp hành trung ương Đảng.
4. Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc.

- A. 3-2-4-1.
- B. 1-2-3-4.
- C. 3-4-1-2.
- D. 3-4-2-1.

Câu 18. Thành tựu ngoại giao quan trọng của nước ta năm 1977 là gì?

- A. Gia nhập tổ chức Liên hợp quốc.
- B. Bình thường hóa quan hệ với Mỹ.
- C. Gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- D. được 94 nước công nhận, đặt quan hệ ngoại giao.

Câu 19. Nhiệm vụ cấp thiết trước mắt của miền Bắc sau năm 1975 là

- A. tiếp tục công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế.
- C. làm tròn nghĩa vụ hậu phương cho miền Nam.
- D. vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại.

Câu 20. Khó khăn lớn nhất của Việt Nam sau năm 1975 là

- A. bọn phản động trong nước vẫn còn.
- B. nền kinh tế nông nghiệp còn lạc hậu.
- C. hậu quả chiến tranh của đế quốc Mỹ.
- D. người mù chữ và thất nghiệp chiếm tỉ lệ cao.

VẬN DỤNG THẤP

Câu 21. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, tổ chức bộ máy Nhà nước Việt Nam có đặc điểm gì?

- A. Tổ chức Hội nghị hiệp thương chính trị.
- B. Chính quyền cách mạng tuyên bố thành lập .
- C. Đất nước được thống nhất về mặt Nhà nước.
- D. Mỗi miền tồn tại hình thức tổ chức Nhà nước khác nhau.

Câu 22. Vì sao sau đại thắng mùa Xuân năm 1975 Việt Nam phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

- A. Sự chia rẽ trong nội bộ mỗi miền.
- B. Tồn tại sự chia rẽ trong nội bộ hai miền.

- C. Các thế lực thù địch âm mưu chống phá cách mạng.
- D. Mỗi miền tồn tại hình thức tổ chức Nhà nước khác nhau.

Câu 23. Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, nước ta bước vào

- A. kỉ nguyên độc lập, đi lên chủ nghĩa xã hội.
- B. kỉ nguyên thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
- C. kỉ nguyên độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.
- D. kỉ nguyên độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 24. Nội dung nào sau đây **không** phải ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất về mặt Nhà nước sau năm 1975?

- A. Tạo điều kiện để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
- B. Mở ra khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc.
- C. Phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.
- D. Chứng tỏ sự ủng hộ to lớn của quốc tế.

VẬN DỤNG CAO

Câu 25. “Phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội” là ý nghĩa của sự kiện nào?

- A. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
- B. Lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- C. Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- D. Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.

Câu 26. Điểm giống nhau về hoàn cảnh lịch sử diễn ra hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976 là

- A. Đối mặt với những nguy cơ đe dọa của thù trong giặc ngoài.
- B. Tình hình đất nước có những điều kiện thuận lợi về kinh tế.
- C. Được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
- D. Được tiến hành ngay sau những thắng lợi to lớn của dân tộc.

CHỦ ĐỀ 12: ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 - 2000)

NHẬN BIẾT THÔNG HIỂU

Câu 1. Đường lối đổi mới năm 1986 đề ra trong hoàn cảnh lịch sử nước ta như thế nào?

- A. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội.
- B. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế-văn hóa.
- C. Tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật.
- D. Cuộc khủng hoảng trầm trọng của liên Xô và các nước Đông Âu.

Câu 2. Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra lần đầu tiên tại Đại hội nào?

- A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III
- B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV
- C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI
- D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII

Câu 3. Quan điểm đổi mới của Đảng ta tại Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) là

- A. kinh tế, xã hội.
- B. chính trị, xã hội.
- C. văn hóa, kinh tế.
- D. toàn diện và đồng bộ.

- Câu 4. Trọng tâm của công cuộc đổi mới đất nước được nêu ra trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI(1986) là đổi mới
- A. kinh tế. B. văn hóa. C. giáo dục. D. chính trị.
- Câu 5. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà phải làm gì?
- A. Làm cho mục tiêu đã đề ra được thực hiện.
B. Làm cho chủ nghĩa xã hội tốt đẹp hơn.
C. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.
D. Làm cho mục tiêu ấy phù hợp với sự phát triển.
- Câu 6. Quan điểm đổi mới của Đảng là đổi mới phải toàn diện và đồng bộ trong đó trọng tâm là lấy đổi mới
- A. kinh tế. B. văn hóa.
C. giáo dục. D. chính trị.
- Câu 7. Tháng 12-1986 diễn ra sự kiện lịch sử nào?
- A. Đại hội lần thứ VI của Đảng.
B. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI
C. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.
D. Hội nghị lần thứ 24 của Ban chấp hành Trung ương Đảng.
- Câu 8. Trong quan điểm về đổi mới chính trị của Đảng, Đảng chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là
- A. Nhà nước của dân, do dân và vì dân. B. Nhà nước của giai cấp công nhân.
C. Nhà nước của giai cấp lãnh đạo. D. Nhà nước của người nông dân.
- Câu 9. Chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước ta trong thời kì đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội là
- A. Chính sách hòa bình, hữu nghị và hợp tác.
B. Chỉ quan hệ với các nước ở Châu Á.
C. Chỉ quan hệ với các nước ở Đông Nam Á.
D. Chỉ quan hệ với các nước ở Châu Âu.
- Câu 10. Ba chương trình kinh tế được đề ra trong kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986-1990) là
- A. lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.
B. lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng may mặc.
C. lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng thủy sản.
D. lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng cà phê.
- Câu 11. Nội dung cơ bản đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) là đổi mới về kinh tế
- A. văn hóa, chính trị, ngoại giao. B. chính trị, văn hóa, tư tưởng.
C. tổ chức, tư tưởng, ngoại giao. D. chính trị, tổ chức, tư tưởng, văn hóa.
- Câu 12. Đại hội nào của Đảng Cộng sản Việt Nam đi vào lịch sử là Đại hội đổi mới toàn diện?
- A. Đại hội IV (12/1976). B. Đại hội V (3/1982).
C. Đại hội VI (12/1986). D. Đại hội VII (6/1991).
- Câu 13. Từ năm 1989 những mặt hàng xuất khẩu nào có giá trị lớn ở Việt Nam?
- A. Gạo, dầu thô. B. Gạo, thủy sản.
C. Hàng dệt may. D. Dầu thô, cà phê.
- Câu 14. Cuộc khủng hoảng trầm trọng ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã đặt ra yêu cầu gì đối với Đảng và Nhà nước ta?
- A. Sự phát triển của khoa học-kỹ thuật tiên tiến.

B. Điều chỉnh chính sách đối ngoại cho phù hợp.

C. Thay đổi theo xu thế chung của thế giới.

D. Đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

Câu 15. Một trong những chủ trương của Đảng ta về đường lối đổi mới kinh tế là

A. ưu tiên phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

B. thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

C. phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

D. phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Câu 16. Đường lối đổi mới của Đảng (12-1986) được hiểu như thế nào là đúng?

A. Đổi mới là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

B. Đổi mới là thay đổi về nội dung của chủ nghĩa xã hội.

C. Đổi mới không phải thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

D. Đổi mới là thay đổi sang chế độ tư bản chủ nghĩa.

Câu 17. Nội dung nào **không** đúng về hạn chế của công cuộc đổi mới ở Việt Nam (1986-1990)?

A. Lao động thiếu việc làm tăng.

B. Chế độ tiền lương bất hợp lý.

C. Nền kinh tế mất cân đối, lạm phát.

D. Lạm pháp, mất dân chủ không còn.

Câu 18. Một trong những chủ trương của Đảng ta về đường lối đổi mới chính trị là

A. phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động

B. xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

C. phát huy quyền làm chủ của giai cấp công nhân.

D. xây dựng con người mới, chế độ mới.

Câu 19. Một trong những hạn chế trong thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986-1990) là

A. trình độ công nghệ chưa đáp ứng.

B. chất lượng sản phẩm chưa tốt.

C. năng xuất lao động thấp.

D. nền kinh tế mất cân đối lớn.

Câu 20. Tháng 7-1995 diễn ra sự kiện ngoại giao nổi bật đối với Việt Nam?

A. Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN.

B. Việt Nam gia nhập tổ chức Liên hợp quốc.

C. Việt Nam tổ chức thành công hội nghị APEC.

D. Việt Nam và Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao.

Câu 21. Ngày 28-7-1995 diễn ra sự kiện ngoại giao nổi bật đối với Việt Nam?

A. Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN.

B. Việt Nam gia nhập tổ chức Liên hợp quốc.

C. Việt Nam bình thường hóa quan hệ với Mỹ.

D. Việt Nam tổ chức thành công hội nghị APEC.

VẬN DỤNG THẤP

Câu 22. Những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới (1986-1990) của Đảng chúng ta

A. đường lối đổi mới của Đảng chưa phù hợp.

B. đường lối đổi mới là đúng đắn, bước đi cơ bản phù hợp.

C. đường lối đổi mới là đúng nhưng bước đi chưa phù hợp.

D. đường lối đổi mới chưa phù hợp với hoàn cảnh đất nước.

Câu 23. Điểm khác biệt cơ bản giữa nền kinh tế Việt Nam trước và sau thời điểm đổi mới (1986) là gì?

- A. Xóa bỏ nền kinh tế thị trường hình thành nền kinh tế mới.
- B. Xóa bỏ nền kinh tế tập trung bao cấp hình thành nền kinh tế mới.
- C. Chuyển từ nền kinh tế thị trường sang tập trung quan liêu bao cấp.
- D. Xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung bao cấp hình thành cơ chế thị trường.

VẬN DỤNG CAO

Câu 24. Yếu tố quyết định dẫn đến thành công công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay là đổi mới

- A. kinh tế chính trị.
- B. văn hóa xã hội.
- C. tư duy kinh tế.
- D. ngoại giao.

Câu 25: Điểm giống công cuộc đổi mới của Đảng ta với chính sách Kinh tế mới (NEP) của Lênin?

- A. Đổi mới kinh tế trọng tâm.
- B. Thực hiện đa nguyên chính trị.
- C. Hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.
- D. Hình thành nền kinh tế thị trường hàng hóa.

Câu 26: Điểm giống nhau trong công cuộc đổi mới của Đảng ta (1986) với chính sách Kinh tế mới (NEP) của Lênin quan trọng nhất bắt đầu từ chính sách

- A. nông nghiệp.
- B. công nghiệp.
- C. thương nghiệp
- D. đối ngoại.

Câu 27: Điểm khác biệt cơ bản giữa nền kinh tế nước ta trước và sau thời điểm đổi mới?

- A. Chuyển từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường.
- B. Chuyển từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa.
- C. Xóa bỏ kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế mới.
- D. Xóa bỏ nền kinh tế thị trường hình thành nền kinh tế mới.

Câu 28: Một trong những bài học kinh nghiệm cơ bản được Đảng ta rút ra trong thời kì đầu đổi mới?

- A. Huy động cả hệ thống chính trị vào công cuộc đổi mới.
- B. Tranh thủ sự giúp đỡ của các nước trong khu vực.
- C. Duy trì môi trường hòa bình để xây dựng đất nước.
- D. Đẩy mạnh quan hệ đối ngoại hòa bình, hữu nghị.

Câu 29: Qua chính sách kinh tế mới của Lê nin (1921) Đảng ta đã rút ra bài học kinh nghiệm gì trong công cuộc đổi mới đất nước?

- A. Chuyển từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế nhiều thành phần.
- B. Chuyển từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa.
- C. Khuyến khích tư bản ngoài đầu tư kinh doanh.
- D. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Câu 30: Đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội không phải làm thay đổi thành tố nào sau đây

- A. lí tưởng chủ nghĩa xã hội.
- B. chuyển hướng đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.
- C. con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- D. mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

CHỦ ĐỀ 12: ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986-2000).

NHẬN BIẾT THÔNG HIỂU

Câu 1. Đường lối đổi mới năm 1986 đề ra trong hoàn cảnh lịch sử nước ta như thế nào?

- A. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội.
- B. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế-văn hóa.

- C. Tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật.
D. Cuộc khủng hoảng trầm trọng của liên Xô và các nước Đông Âu.
- Câu 2. Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra lần đầu tiên tại Đại hội nào?
A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III
B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV
C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI
D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII
- Câu 3. Quan điểm đổi mới của Đảng ta tại Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) là
A. kinh tế, xã hội. B. chính trị, xã hội.
C. văn hóa, kinh tế. D. toàn diện và đồng bộ.
- Câu 4. Trọng tâm của công cuộc đổi mới đất nước được nêu ra trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI(1986) là đổi mới
A. kinh tế. B. văn hóa. C. giáo dục. D. chính trị.
- Câu 5. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà phải làm gì?
A. Làm cho mục tiêu đã đề ra được thực hiện.
B. Làm cho chủ nghĩa xã hội tốt đẹp hơn.
C. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.
D. Làm cho mục tiêu ấy phù hợp với sự phát triển.
- Câu 6. Quan điểm đổi mới của Đảng là đổi mới phải toàn diện và đồng bộ trong đó trọng tâm là lấy đổi mới
A. kinh tế. B. văn hóa.
C. giáo dục. D. chính trị.
- Câu 7. Tháng 12-1986 diễn ra sự kiện lịch sử nào?
A. Đại hội lần thứ VI của Đảng.
B. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI
C. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.
D. Hội nghị lần thứ 24 của Ban chấp hành Trung ương Đảng.
- Câu 8. Trong quan điểm về đổi mới chính trị của Đảng, Đảng chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là
A. Nhà nước của dân, do dân và vì dân. B. Nhà nước của giai cấp công nhân.
C. Nhà nước của giai cấp lãnh đạo. D. Nhà nước của người nông dân.
- Câu 9. Chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước ta trong thời kì đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội là
A. Chính sách hòa bình, hữu nghị và hợp tác.
B. Chỉ quan hệ với các nước ở Châu Á.
C. Chỉ quan hệ với các nước ở Đông Nam Á.
D. Chỉ quan hệ với các nước ở Châu Âu.
- Câu 10. Ba chương trình kinh tế được đề ra trong kế hoạch Nhà nước 5 năm(1986-1990) là
A. lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.
B. lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng may mặc.
C. lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng thủy sản.
D. lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng cà phê.
- Câu 11. Nội dung cơ bản đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) là đổi mới về kinh tế
A. văn hóa, chính trị, ngoại giao. B. chính trị, văn hóa, tư tưởng.

C. tổ chức, tư tưởng, ngoại giao.

D. chính trị, tổ chức, tư tưởng, văn hóa.

Câu 12. Đại hội nào của Đảng Cộng sản Việt Nam đi vào lịch sử là Đại hội đổi mới toàn diện?

A. Đại hội IV (12/1976).

B. Đại hội V (3/1982).

C. Đại hội VI (12/1986).

D. Đại hội VII (6/1991).

Câu 13. Từ năm 1989 những mặt hàng xuất khẩu nào có giá trị lớn ở Việt Nam?

A. Gạo, dầu thô.

B. Gạo, thủy sản.

C. Hàng dệt may.

D. Dầu thô, cà phê.

Câu 14. Cuộc khủng hoảng trầm trọng ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã đặt ra yêu cầu gì đối với Đảng và Nhà nước ta?

A. Sự phát triển của khoa học-kỹ thuật tiên tiến.

B. Điều chỉnh chính sách đối ngoại cho phù hợp.

C. Thay đổi theo xu thế chung của thế giới.

D. Đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

Câu 15. Một trong những chủ trương của Đảng ta về đường lối đổi mới kinh tế là

A. ưu tiên phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

B. thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

C. phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

D. phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Câu 16. Đường lối đổi mới của Đảng (12-1986) được hiểu như thế nào là đúng?

A. Đổi mới là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

B. Đổi mới là thay đổi về nội dung của chủ nghĩa xã hội.

C. Đổi mới không phải thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

D. Đổi mới là thay đổi sang chế độ tư bản chủ nghĩa.

Câu 17. Nội dung nào **không** đúng về hạn chế của công cuộc đổi mới ở Việt Nam (1986-1990)?

A. Lao động thiếu việc làm tăng.

B. Chế độ tiền lương bất hợp lý.

C. Nền kinh tế mất cân đối, lạm phát.

D. Lạm pháp, mất dân chủ không còn.

Câu 18. Một trong những chủ trương của Đảng ta về đường lối đổi mới chính trị là

A. phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động

B. xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

C. phát huy quyền làm chủ của giai cấp công nhân.

D. xây dựng con người mới, chế độ mới.

Câu 19. Một trong những hạn chế trong thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986-1990) là

A. trình độ công nghệ chưa đáp ứng.

B. chất lượng sản phẩm chưa tốt.

C. năng xuất lao động thấp.

D. nền kinh tế mất cân đối lớn.

Câu 20. Tháng 7-1995 diễn ra sự kiện ngoại giao nổi bật đối với Việt Nam?

A. Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN.

B. Việt Nam gia nhập tổ chức Liên hợp quốc.

C. Việt Nam tổ chức thành công hội nghị APEC.

D. Việt Nam và Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao.

Câu 21. Ngày 28-7-1995 diễn ra sự kiện ngoại giao nổi bật đối với Việt Nam?

- A. Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN.
- B. Việt Nam gia nhập tổ chức Liên hợp quốc.
- C. Việt Nam bình thường hóa quan hệ với Mỹ.
- D. Việt Nam tổ chức thành công hội nghị APEC.

VẬN DỤNG THẤP

Câu 22. Những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới (1986-1990) của Đảng chúng ta

- A. đường lối đổi mới của Đảng chưa phù hợp.
- B. đường lối đổi mới là đúng đắn, bước đi cơ bản phù hợp.
- C. đường lối đổi mới là đúng nhưng bước đi chưa phù hợp.
- D. đường lối đổi mới chưa phù hợp với hoàn cảnh đất nước.

Câu 23. Điểm khác biệt cơ bản giữa nền kinh tế Việt Nam trước và sau thời điểm đổi mới (1986) là gì?

- A. Xóa bỏ nền kinh tế thị trường hình thành nền kinh tế mới.
- B. Xóa bỏ nền kinh tế tập trung bao cấp hình thành nền kinh tế mới.
- C. Chuyển từ nền kinh tế thị trường sang tập trung quan liêu bao cấp.
- D. Xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung bao cấp hình thành cơ chế thị trường.

VẬN DỤNG CAO

Câu 24. Yếu tố quyết định dẫn đến thành công công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay là đổi mới

- A. kinh tế chính trị.
- B. văn hóa xã hội.
- C. tư duy kinh tế.
- D. ngoại giao.

Câu 25: Điểm giống công cuộc đổi mới của Đảng ta với chính sách Kinh tế mới (NEP) của Lênin?

- A. Đổi mới kinh tế trọng tâm.
- B. Thực hiện đa nguyên chính trị.
- C. Hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.
- D. Hình thành nền kinh tế thị trường hàng hóa.

Câu 26: Điểm giống nhau trong công cuộc đổi mới của Đảng ta (1986) với chính sách Kinh tế mới (NEP) của Lênin quan trọng nhất bắt đầu từ chính sách

- A. nông nghiệp.
- B. công nghiệp.
- C. thương nghiệp
- D. đối ngoại.

Câu 27: Điểm khác biệt cơ bản giữa nền kinh tế nước ta trước và sau thời điểm đổi mới?

- A. Chuyển từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường.
- B. Chuyển từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa.
- C. Xóa bỏ kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế mới.
- D. Xóa bỏ nền kinh tế thị trường hình thành nền kinh tế mới.

Câu 28: Một trong những bài học kinh nghiệm cơ bản được Đảng ta rút ra trong thời kì đầu đổi mới?

- A. Huy động cả hệ thống chính trị vào công cuộc đổi mới.
- B. Tranh thủ sự giúp đỡ của các nước trong khu vực.
- C. Duy trì môi trường hòa bình để xây dựng đất nước.
- D. Đẩy mạnh quan hệ đối ngoại hòa bình, hữu nghị.

Câu 29: Qua chính sách kinh tế mới của Lê nin (1921) Đảng ta đã rút ra bài học kinh nghiệm gì trong công cuộc đổi mới đất nước?

- A. Chuyển từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế nhiều thành phần.
- B. Chuyển từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa.
- C. Khuyến khích tự bản ngoài đầu tư kinh doanh.
- D. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Câu 30: Đôi mới đi lên chủ nghĩa xã hội không phải làm thay đổi thành tố nào sao đây

A. lí tưởng chủ nghĩa xã hội. B. chuyển hướng đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.
C. con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. D. mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.